

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Gói thầu
“Bảo trì hệ thống thang máy tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2028”

Kính gửi: Các đơn vị / Nhà cung cấp

Bệnh viện Ung Bướu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Bảo trì hệ thống thang máy tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2028” theo nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ: số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thành phần hồ sơ:

- Báo giá có ký và đóng dấu của đơn vị.
- Hồ sơ năng lực nhà thầu (nếu có).
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày, kể từ ngày phát hành.

3. Thông tin liên hệ:

- Họ tên: Nguyễn Hữu Danh.
- Chức vụ: Chuyên viên – Phòng Hành chính quản trị.
- Số điện thoại: 0987474023.
- Địa chỉ email: baogiahcqt@gmail.com

4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản giấy nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị (lầu 3) – Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ: số 12 đường 400, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Đồng thời, nhà cung cấp gửi bản mềm báo giá và năng lực nhà thầu (nếu có) qua email: baogiahcqt@gmail.com

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: kể từ ngày đăng thông báo đến trước 15 giờ ngày 09 tháng 4 năm 2026.



Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Cung cấp bảng báo giá có hiệu lực của gói thầu “Bảo trì hệ thống thang máy tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2028” với nội dung, khối lượng công việc đính kèm.

Trân trọng./*AK*

Nơi nhận:

- Các đơn vị có quan tâm;
- Lưu: VT, HCQT (NHD).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thiện Quỳnh Như





DANH MỤC DỊCH VỤ

Bảo trì hệ thống thang máy tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2026-2028

(Đính kèm theo yêu cầu báo giá ngày 02 tháng 4 năm 2026)

STT	Tên Thiết Bị - Tài Sản	Đơn Vị	Số Lượng	Số Lần Bảo Trì (1 Lần/Tháng)	Ghi Chú
* Số 3 Nơ Trang Long, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.					
1	Thang máy tải bệnh hiệu Á Châu - (AC 'B' 1350 2SO1200 60 5/5).	Cái	01	24	Thang số 3
2	Thang máy tải khách hiệu Á Châu - (AC 'P' 1000 2SO1100 30 5/5).	Cái	01	24	Thang số 5
* Số 06 Nguyễn Huy Lượng, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.					
3	Thang máy tải (ORONA-D20'B'1250 2SO 60 5/5 ARD).			24	
* Số 47 Nguyễn Huy Lượng, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.					
4	Thang máy tải khách hiệu Fuji - (Fuji'P' 1350 - 90- 10/10).	Cái	01	24	
5	Thang máy tải khách hiệu Fuji - (Fuji'P' 800 - 90- 10/10).	Cái	01	24	
6	Thang máy tải khách hiệu Fuji - (Fuji'P' 800 - 90- 10/10).	Cái	01	24	
7	Thang máy tải khách hiệu Fuji - (Fuji'P' 450 - 90- 10/10).	Cái	01	24	
8	Thang máy tải hàng hiệu Phương Đông - (F300KG - 45- 8/8).	Cái	01	24	
* Số 12 đường 400, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.					
THANG MÁY TẢI KHÁCH					
9	Thang máy PL1 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350kg; 60m/phút (1m/s); 4 điểm dừng (B1,1,2,3); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 1
10	Thang máy PL2 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350kg; 60m/phút (1m/s); 4 điểm dừng (B1,1,2,3); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 2
11	Thang máy PL3 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350Kg; 60m/phút (1m/s); 4 điểm dừng (B1,1,2,3); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 3
12	Thang máy PL4 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350Kg; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 19
13	Thang máy PL5 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350Kg; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm	Cái	01	24	Thang số 20



	dùng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.				
14	Thang máy PL6 - Mitsubishi Nexiez MR - P20(1350Kg)-CO-60MPM-4S/O; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 21
15	Thang máy PL7 - Mitsubishi Nexiez MR - P20(1350Kg)-CO-60MPM-4S/O; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 10
16	Thang máy PL8 - Mitsubishi Nexiez MR - P20(1350Kg)-CO-60MPM-4S/O; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 9
17	Thang máy PL9 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350Kg; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm	Cái	01	24	Thang số 8
THANG CHỮA CHÁY					
18	Thang máy SL1 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350Kg; 105m/phút (1,75m/s); 10 điểm dừng (B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 18
19	Thang máy SL4 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350Kg; 105m/phút (1,75m/s); 10 điểm dừng (B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 4
20	Thang máy SL7 - Mitsubishi Nexiez MR -1350Kg; 105m/phút (1,75m/s); 10 điểm dừng (B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 16
21	Thang máy SL10 - Mitsubishi Nexiez MR - 1350Kg; 105m/phút (1,75m/s); 10 điểm dừng (B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 7
THANG MÁY TẢI KHÁCH/ DỊCH VỤ					
22	Thang máy SL2 - Mitsubishi Nexiez MR - 1000Kg; 105m/phút (1,75m/s); 10 điểm dừng (B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 26
23	Thang máy SL3 - Mitsubishi Nexiez MR - 1000Kg; 105m/phút (1,75m/s); 10 điểm dừng (B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 25

24	Thang máy SL8 - Mitsubishi Nexiez MR - 1000Kg; 105m/phút (1,75m/s); 10 điểm dừng (B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 15
25	Thang máy SL9 - Mitsubishi Nexiez MR - 1000Kg; 105m/phút (1,75m/s); 10 điểm dừng (B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 14
26	Thang máy SL5 - Mitsubishi Nexiez MR - 1000Kg; 105m/phút (1,75m/s); 4 điểm dừng (B1,1,2,3); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 5
27	Thang máy SL6 - Mitsubishi Nexiez MR - 1000Kg; 105m/phút (1,75m/s); 4 điểm dừng (B1,1,2,3); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 6
28	Thang máy SL11 - (Thang vận chuyển đồ sạch phòng mổ, không có phòng máy) Mitsubishi Nexiez MR - 1050Kg; 105m/phút (1,75m/s); 3 điểm dừng (B1,1,2); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 17
29	Thang máy SL12 - (Thang nhà quàng, không có phòng máy) Mitsubishi Nexiez MR - 1600Kg; 105m/phút (1,75m/s); 3 điểm dừng (1,2,3); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 27
THANG MÁY GIƯỜNG BỆNH					
30	Thang máy BL1 - Mitsubishi Nexiez MR - 1600Kg; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 24
31	Thang máy BL2 - Mitsubishi Nexiez MR - 1600Kg; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 23
32	Thang máy BL3 - (Không có phòng máy) Mitsubishi Nexiez MR - 1600Kg; 105m/phút (1,75m/s); 12 điểm dừng (B2, B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9,10); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 22
33	Thang máy BL4 - Mitsubishi Nexiez MR - 1600Kg; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2, B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 13
34	Thang máy BL5 - Mitsubishi Nexiez MR - 1600Kg; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm dừng (B2,B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.	Cái	01	24	Thang số 12
35	Thang máy BL6 - Mitsubishi Nexiez MR - 1600Kg; 105m/phút (1,75m/s); 11 điểm	Cái	01	24	Thang số 11

	dùng (B2, B1,1,2,3,4,5,6,7,8,9); Chiều cao 2.200mm.				
THANG CUỐN					
36	Thang cuốn E1 - Mitsubishi ZJ-SE(S800) - E1; 6750 người/giờ; 30m/phút; 2 điềm dùng (1,2); Chiều cao nâng 5m.	Cái	1	24	
37	Thang cuốn E2 - Mitsubishi ZJ-SE(S800) - E2; 6750 người/giờ; 30m/phút; 2 điềm dùng (1,2); Chiều cao nâng 5m.	Cái	1	24	

II/ SỬA CHỮA CẢI TẠO

Hạng mục	Hiện trạng	Cần cải tiến	Số lượng	Ghi chú
Thang máy	<p>Thiết bị thang máy tại Bệnh viện đang hoạt động cửa tự động mở ra khi: +/- Có hành khách/ vật cản xuất hiện trong phạm vi của Tia hồng ngoại. +/- Có hành khách nhấn vào thanh an toàn cửa được lắp ở 1 bên cạnh cửa. ✓ Còn hạn chế do vị trí tia an toàn chỉ đạt chiều cao 200 mm và 600mm (2 tia hồng ngoại). ✓ Đã có nhiều tính huống cửa chạm vào vai, cánh tay người sử dụng và giường vận chuyển bệnh nhân.</p>	<p>Cần thay thế thiết bị hoạt động cửa tự động như sau: +/- Có hành khách/ vật cản xuất hiện trong vùng mở cửa. ✓ Cần tối ưu hơn chiều dài nhận diện vật cản (tối thiểu 1.600mm). ✓ Ngăn ngừa tối đa tình huống cửa chạm vào người sử dụng và các giường chuyển bệnh nhân.</p>	15 thang máy (9 thang máy cửa 2 cánh và 6 thang máy cửa lùa).	Yêu cầu: Thiết bị lắp đặt bổ sung phải tương thích với thang máy Bệnh viện đang sử dụng.

Bảo trì trọn gói bao gồm:

- Bảo trì định kỳ 1 tháng/lần (24 lần/24 tháng).
- Toàn bộ chi phí nhân công, dịch vụ Kiểm định an toàn thiết bị thang máy và thang cuốn.
- Tất cả các linh kiện, phụ kiện, thiết bị thay thế khi thang bị hư hỏng bao gồm buồng thang, boad mạch, cảm biến và thay thế định kì như ốc quy, dầu máy kéo, cáp tải... Thiết bị thay thế có năm sản xuất (NSX) \geq năm 2026, đáp ứng phù hợp về công suất và đồng bộ kỹ thuật với hệ thống hiện tại của bệnh viện, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định. Ngoài trừ những thiết bị do người sử dụng tác động ngoại lực: đẩy mạnh, bẻ cong, đập gãy ...
- Cảnh báo, thay thế và nâng cấp tất cả các linh kiện, phụ kiện, thiết bị theo khuyến cáo và cảnh báo từ hãng sản xuất khi hết hạn sử dụng hoặc ngừng sản xuất và ngừng hỗ trợ model thiết bị.
- Có mặt trong vòng 04 giờ ngay sau khi nhận thông báo xảy ra sự cố từ chủ đầu tư qua các kênh thông tin (điện thoại, zalo, ...). Cung cấp hỗ trợ khẩn cấp thiết bị thay thế khi có sự cố.
- Sẵn sàng hỗ trợ kỹ thuật 24/24. Ưu tiên khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất.